

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;

2. Ông Trần Quang Tuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Nhà trọ Minh T, 561/48 đường B, Tổ A, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. *Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; tạm trú: Nhà trọ Minh T, 561/48 đường B, Tổ A, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, năm 2010, bà Nguyễn Thị C và ông Võ Văn B quyết định đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 90; quyển số: 1/2010; Cấp ngày: 17/8/2010.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng cũng yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình khi đó cũng đầm ấm và hạnh phúc. Tuy nhiên những năm gần đây thì giữa bà C và chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Một thời gian dài bà C đã cố gắng chịu đựng, nhẫn nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình vì con cái nhưng ông Võ Văn B không hề thay đổi.

Bà C cảm thấy ngột ngạt, mệt mỏi, khó chịu khi phải sống như vậy, giờ đây trong lòng bà C không còn tình cảm với chồng nữa cuộc sống chung chỉ là sự chịu đựng. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xem xét và giải quyết cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Võ Văn B.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà C, ông B có 02 (hai) con chung là Võ Thị T1, sinh ngày: 15/3/2004 và Võ Thị Quỳnh T2, sinh ngày: 09/11/2019.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Võ Thị Quỳnh T2 vì cháu còn nhỏ, lại là con gái nên ở với mẹ sẽ tốt hơn. Về con chung là cháu Võ Thị T1 đã đủ 18 tuổi nên vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu ông Võ Văn B cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là ông Võ Văn B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài những lời trình bày theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu do nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà C và ông B chung sống như vợ chồng và có tiến hành đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, hai vợ chồng

không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm vợ chồng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp, hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông B không có thiện chí trong việc hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, yêu cầu về việc xin ly hôn của bà C đối với ông B là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, bà Nguyễn Thị C và ông Võ Văn B có 02 con chung gồm: Võ Thị T1, sinh ngày: 15/3/2004 và Võ Thị Quỳnh T2, sinh ngày: 09/11/2019. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Võ Thị Quỳnh T2. Hiện nay con chung do bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, việc giao con chung cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà C không yêu cầu nên ông Võ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là cháu Võ Thị T1 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị C là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là ông Võ Văn B có địa chỉ cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2]. Nguyên đơn Nguyễn Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Võ Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên họp, hòa giải và xét xử vụ án. Tuy nhiên, ông Võ Văn B vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Võ Văn B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 1/2010 ngày 17/8/2010 của Ủy ban nhân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không thể hòa giải được với nhau. Hiện nay, bà C xác định bản thân không còn tình cảm với chồng là ông B. Bản thân ông Võ Văn B đã được triệu tập đến tham gia hoà giải, phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 19/02/2025 đã xác định: Ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị C có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nhưng không rõ nguyên nhân. Do đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà C là có thật và đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà C yêu cầu ly hôn với ông B là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Võ Văn B có 02 con chung gồm: Võ Thị T1, sinh ngày: 15/3/2004 và Võ Thị Quỳnh T2, sinh ngày: 09/11/2019. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Võ Thị Quỳnh T2. Hiện nay con chung do bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, việc giao con chung cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà C không yêu cầu nên ông Võ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Đối với con chung là cháu Võ Thị T1 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn ông Võ Văn B về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Võ Văn B.
- Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Quỳnh T2, sinh ngày 09/11/2019 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị C và ông Võ Văn B đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn,

người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung thì người đang trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0008591 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thiện